TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:26/2021/KDTM-ST
Ngày10 tháng 11 năm 2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông**Nguyễn Xuân Tùng**

2. Ông**Phạm Công Lương**

- *Thư ký phiên tòa:*Bà**Nguyễn Thị Lành**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dânquận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà**Nguyễn Thị Ly Na.**

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ ánkinh doanh thương mại thụ lý số 23/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST - KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2021,Quyết định hoãn phiên tòa số:31/2021/QĐST -KDTM ngày22tháng 10 năm 2021giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ trụ sở: Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh T**– Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh A Chi nhánh Chợ Mới Nam Đà Nẵng (theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án và Giấy ủy quyền số 148/UQ-NHNoCM ngày 08 tháng 11 năm 2021 của ông Ông Hùng C – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách A Chi nhánh Chợ Mới Nam Đà Nẵng). (Có mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Số 304 T, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

- Bị đơn: **Công ty TNHH H**.

Địa chỉ: 517 N, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị Mộng Y** – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ 23A phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị N**.

Địa chỉ: Tổ 37 phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị N – sinh năm: 1994. Địa chỉ: Ngư Thủy B, Lệ Thủy, Quảng Bình (theo Giấy ủy quyền có số công chứng 1151 quyển số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Văn phòng Công chứng Đặng Duy Hùng).

Địa chỉ liên lạc: 425 N, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

(Bà N, bà N đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh T trình bày:***

Ngân hàng N (Chi nhánh Chợ Mới Nam Đà Nẵng là đơn vị được ủy quyền ký kết hợp đồng tín dụng) cho Công ty TNHH H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019. Nội dung thỏa thuận tại hợp đồng:

- Hạn mức cấp tín dụng: 29.000.000.000 đồng. Trong đó: khách hàng được giải ngân theo tài sản đảm bảo hiện tại là 24.000.000.000đồng. Hạn mức cấp tín dụng trên bao gồm: Hạn mức cho vay và mở LC thanh toán bằng vốn vay 29.000.000.000đồng. Hạn mức bảo lãnh 0 đồng. Khách hàng sử dụng hạn mức bảo lãnh, mở LC theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng tại các hợp đồng, Văn bản tín dụng cụ thể.

- Mục đích vay vốn và thanh toán LC bằng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động. Mua sắm nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, thanh toán tiền vận chuyển, lương nhân viên và các chi phí khác phục vụ hoạt động kinh doanh

- Thời gian cho vay: theo từng lần nhận nợ cụ thể.

- Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 16/10/2020.

- Lãi suất cho vay: 9%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả: 10% năm

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay, theo thỏa thuận tạihợp đồng thế chấp tài sản số 15.10.2019/HĐTC ngày 16/10/2019, bà Lê Thị N đã thế chấp tài sản đảm bảo tiền vay là: Đất ở tại thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: B4.5; Số thửa đất thay đổi lại là: 283, Số mới tờ bản đồ là 25 do cập nhật bản đồ địa chính; theo hồ sơ số 504009.TT.001, diện tích 162,9 m^2, địa chỉ: TĐC dọc tuyến Sơn Trà-Điện Ngọc (Đoạn qua khu TĐC Nam Phan Tứ và DBC), phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 663824, số cấp giấy chứng nhận CTs23753 do Sở Tài Nguyên và Môi Trườngthành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/08/2013 cho bà Lê Thị N (bà N được nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 504009.CN.002 ngày 14/9/2018). Hợp

đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm, số công chứng: 12438, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2019 và đã Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Ngũ Hành Sơn ngày 16/10/2019 theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019,Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (Theo Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày: 16/10/2019) Số: 2009-LAV-201900487.01/PLHĐ ngày 09/3/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH H 5 lần, tổng cộng là 23.950.000.000 đồng, bao gồm các giấy nhận nợ sau: .

- Lần 1: Ngày nhận nợ 10/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000350, số tiền vay: 3.000.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 11/01/2021;
- Lần 2: Ngày nhận nợ 16/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000366, số tiền vay: 2.400.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 18/01/2021;
- Lần 3: Ngày nhận nợ 17/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000371, số tiền vay: 4.980.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 18/01/2021
- Lần 4: Ngày nhận nợ 17/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000373, số tiền vay: 8.020.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 18/01/2021;
- Lần 5: Ngày nhận nợ 20/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000377, số tiền vay: 5.550.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 20/01/2021;

Theo quy định lãi phải thanh toán định kỳ 3 tháng/lần với hạn trả lãi lần đầu vào ngày 30/10/2020, hạn trả gốc theo giấy nhận nợ là 09 tháng tương ứng ngày đến hạn thanh toán nợ gốc đầu tiên là 11/01/2021, ngày 18/01/2020 và ngày 20/01/2020. Tuy nhiên đến ngày 11/01/2021 và đến nay, Công ty không thanh toán theo đúng thỏa thuận trên giấy nhận nợ. Như vậy, Công ty TNHH H đã vi phạm Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc nhắc nhở và đã tạo điều kiện để Công ty trả nợ Ngân hàng nhưng Công ty vẫn không chấp hành, khoản vay trên hiện nay đã bị quá hạn từ ngày 12/01/2021.

Tại Đơn khởi kiện, tính đến ngày 28/2/2021, tổng số tiền Công ty TNHH H phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487ngày 16/10/2019 là:25.318.339.041đồng**.** Trong đó: Dư nợ gốc: 23.950.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.368.339.041 đồng; Nợ lãi quá hạn: 122.282.877 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng thay đổi về thời gian tính lãi: lãi tạm tính từ ngày vi phạm 12/01/2021 đến ngày 10/11/2021, cụ thể: Dư nợ gốc : 23.950.000.000 đồng*(Hai mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)*; Nợ lãi trong hạn: 2.687.583.699 đồng*(Hai tỷ sáu trăm tám bảy triệu năm trăm tám ba ngàn sáu trăm chín chín đồng)*; Nợ lãi quá hạn: 840.093.904đồng*(Tám trăm bốn mươi triệu không trăm chín ba ngàn chín trăm lẻ bốn đồng)*. Tổng cộng: 27.477.677.603đồng*(Hai mươi bảy tỷ bốn trăm bảy bảy triệu sáu trăm bảy bảy ngàn sáu trăm lẻ ba đồng)*.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH H phải thanh toán toàn bộ số nợ trên. Công ty TNHH H phải tiếp tục trả lãi tính từ ngày 11/11/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487ngày 16/10/2019. Trong trường hợp Công ty TNHH H không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị Mộng Y, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án đưa bà Đào Thị Như L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghãi vụ liên quan trong vụ án. Công ty TNHH H và bà N cho rằng việc bà N thế chấp tài sản bảo đảm để cho Công ty TNHH H vay thực tế là do bà Đào Thị Như L yêu cầu, bà N và bà L thỏa thuận với nhau về việc bà L vay tiền bà N thông qua thế chấp. Ngân hàng khẳng định là Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH H và bà Lê Thị N. Vì: tại các thời điểm giải ngân của Ngân hàng cho Công ty TNHH H hoàn toàn không liên quan đến bà Đào Thị Như L, Ngân hàng không nhận bất cứ văn bản, ý kiến nào của bà Lệ về việc giải ngân.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản hòa giải ngày 14/7/2021, người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Công ty TNHH H) là bà Lê Thị Mộng Y trình bày:*

Ngân hàng N cho Công ty TNHH H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019 giữa A và Công ty TNHH H

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Dư nợ được vay tối đa: 29.000.000.000 đồng.
- Thời gian của Hợp đồng tín dụng: 12 tháng.
- Thời gian cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể.
- Lãi suất cho vay: 9%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi chậm trả: 10% năm

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên vay, theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp tài sản số 15.10.2019/HĐTC ngày 16/10/2019, bà Lê Thị N đã thế chấp tài sản đảm bảo tiền vay là:Đất ở tại thửa đất số: 283, tờ bản đồ số: 25,địa chỉ: TĐC dọc tuyến Sơn Trà-Điện Ngọc (Đoạn qua khu TĐC Nam Phan Tứ và DBC), phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số BO 663824, số cấp giấy chứng nhận CTs23753 do Sở Tài Nguyên và Môi Trườngthành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/08/2013 cho bà Lê Thị N. Tài sản thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm và đã đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 14/07/2021, tổng số tiền Công ty TNHH H phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019 là:26.528.962.329đồng (Hai mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng)

Trong đó:

+ Dư nợ gốc : 23.950.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn : 2.055.106.849 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn : 523.855.479 đồng.

Nay tôi là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H, tôi xác định tôi không ký hồ sơ vay mà là do anh T ký vay nhưng sau đó tôi là người đại diện cho Công ty ký các Giấy nhận nợ với ngân hàng. Việc vay vốn là bổ sung vốn kinh doanh cho bà Đào Thị Như L, giải ngân vào tài khoản của bà L. Tôi yêu cầu Tòa án đưa bà Đào Thị Như L vào tham gia trong vụ án để bà L chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH H, vì khi ký giấy nhận nợ tại Ngân hàng thì tôi ký theo yêu cầu của bà Đào Thị Như L.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Biên bản hòa giải ngày 14/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N trình bày:*

Bà Lê Thị N thừa nhận có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 15.10.2019/HĐTC ngày 16/10/2019để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH H, tài sản thế chấp là**:** Đất ở tại thửa đất số: 283, tờ bản đồ số: 25, diện tích: 162,9m^2, địa chỉ: TĐC dọc tuyến Sơn Trà-Điện Ngọc (Đoạn qua khu TĐC Nam Phan Tứ và DBC), phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng. Có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 663824, số cấp giấy chứng nhận CTs23753 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/08/2013 cho bà Lê Thị N là đúng.

Bà Lê Thị N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc Công ty TNHH H không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp vì: việc ký tài sản thế chấp là theo sự chỉ đạo của bà Đào Thị Như L, bà N và bà L có thỏa thuận với nhau về việc đó. Dó đó, bà N yêu cầu Tòa án đưa bà Đào Thị Như L vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH H, buộc Công ty TNHH H trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi như yêu cầu. Nếu Công ty TNHH H không trả nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

- Đối với yêu cầu của Công ty TNHH H và bà Lê Thị N về việc đưa bà Đào Thị Như L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Công ty TNHH H và bà N cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nhưng Công ty TNHH H và bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Do đó không có cơ sở xem xét yêu cầu của Công ty TNHH H và bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N và Công ty TNHH H thỏa thuận Tại Điều 14 của Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV – 201900487 ngày 06/10/2019: "*Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp bằng hình thức...hoặc Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của A Chi nhánh Chợ Mới Đà Nẵng"*. Do đó, Tòa án nhân dân quậnHải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tạikhoản 1 Điều 35; điểm bkhoản 1 Điều 39; điểm b,g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2]Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định tại Điều 177, 178, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty TNHH H, bà Lê Thị N, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH H và bà Lê Thị N.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1 Xét hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và Công ty TNHH H được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên bên, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

3.2 Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (sau đây viết tắt Ngân hàng) về việc Công ty TNHH H (Sau đây viết tắt là Công ty H) phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (Theo Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày: 16/10/2019) Số: 2009-LAV-201900487.01/PLHĐ ngày 09/3/2020:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019, Ngân hàng cấp tín dụng cho Công ty TNHH H với hạn mức tín dụng là 29.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng tính từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 16/10/2020.Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng và Công ty H đã ký Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (Theo Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày:

16/10/2019) Số: 2009-LAV-201900487.01/PLHĐ ngày 09/3/20 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật. Đến ngày 20/4/2020 Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH H vay tổng số tiền là 23.950.000.000đồng theo 5 Giấy nhận nợ: Lần 1: Ngày nhận nợ 10/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000350, số tiền vay: 3.000.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 11/01/2021; Lần 2: Ngày nhận nợ 16/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000366, số tiền vay: 2.400.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 18/01/2021;Lần 3: Ngày nhận nợ 17/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000371, số tiền vay: 4.980.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 18/01/2021; Lần 4: Ngày nhận nợ 17/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000373, số tiền vay: 8.020.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 18/01/2021;Lần 5: Ngày nhận nợ 20/04/2020, Số nhận nợ: 2009LDS202000377, số tiền vay: 5.550.000.000đồng, hạn trả nợ gốc: 20/01/2021; Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán tiền hàng, thời hạn cho vay 09 tháng theo từng lần nhận nợ; trả nợ gốc cuối kỳ căn cứ vào từng giấy nhận nợ, trả lãi vay định kỳ 3 tháng/ kỳ vào ngày 30; Lãi suất cho vay là 9,0%/năm, được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150%/ lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 10%/năm. Việc giải ngân theo 5 Giấy nhận nợ phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên đến hạn trả nợ lãi, nợ gốc, Công ty TNHH H không thanh toán theo đúng thỏa thuận tại giấy nhận nợ. Như vậy, Công ty TNHH H đã vi phạm Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019. Đến nay toàn bộ khoản nợ trên đã quá hạn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào chứng cứ các Giấy nhận nợ và các biên bản làm việc do bà Y (là người đại diện theo pháp luật của Công ty) xác nhận, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng thừa nhận có khoản nợ trên.Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Home H phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 10/11/2021là27.477.677.603đồng *(Hai mươi bảy tỷ bốn trăm bảy bảy triệu sáu trăm bảy bảy ngàn sáu trăm lẻ ba đồng)*. Trong đó: Nợ gốc : 23.950.000.000 đồng*(Hai mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)*; Nợ lãi trong hạn: 2.687.583.699 đồng*(Hai tỷ sáu trăm tám bảy triệu năm trăm tám ba ngàn sáu trăm chín chín đồng)*; Nợ lãi quá hạn: 840.093.904đồng*(Tám trăm bốn mươi triệu không trăm chín ba ngàn chín trăm lẻ bốn đồng)*.

Công ty TNHH H phải tiếp tục trả lãi tính từ ngày 11/11/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487ngày 16/10/2019.

3.3 Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Để bảo đảm cho Công ty H vay vốn tại Ngân hàng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15.10.2019/HĐTC ngày 16/10/2019, bà Lê Thị N đã thế

chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: B4.5; Số thửa đất thay đổi lại là: 283, Số mới tờ bản đồ là 25 do cập nhật bản đồ địa chính; theo hồ sơ số 504009.TT.001; diện tích 162,9 m^2; địa chỉ: TĐC dọc tuyến Sơn Trà-Điện Ngọc (Đoạn qua khu TĐC Nam Phan Tứ và DBC), phườngMỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 663824, số cấp giấy chứng nhận CTs23753 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/08/2013 cho bà Lê Thị Nh (bà N được nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 504009.CN.002 ngày 14/9/2018). Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm, số công chứng: 12438, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2019 và đã Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Ngũ Hành Sơn ngày 16/10/2019.

Hợp đồng thế chấp trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ các Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trong trường hợp Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm được xử lý để thu hồi nợ.

Tại biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28 tháng 6 năm 2021 thể hiệnhiện trạng:đất trống, không có gì thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấtsố BO 663824, số cấp giấy chứng nhận CTs23753 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/08/2013 tại thời điểm thế chấp cho Ngân hàng N.

3.4Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty TNHH H; người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện: Công ty TNHH H, bà Lê Thị N yêu cầu đưa bà Đào Thị Như L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Công ty TNHH H) là bà Lê Thị Mộng Y cho rằng trước đây ông T là Giám đốc ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, bà là người nhận bàn giao chức vụ giám đốc, bà có biết về khoản vay này nhưng ông T không bàn giao cho bà khoản nợ này, bà chỉ biết Công ty vay tiền theo sự chỉ đạo của bà Đào Thị Như L. Bà Lê Thị N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc Công ty TNHH không trả được nợ thì phát mãi tài sản bảo đảm của bà vì: việc ký tài sản thế chấp là theo sự chỉ đạo của bà Đào Thị Như L, bà N và bà L có thỏa thuận với nhau về việc đó. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH H (V/v Bầu Giám đốc và thay đổi điều lệ Công ty) ngày 07/3/2020, bà Lê Thị Mộng Y được bổ nhiệm chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (Theo Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày: 16/10/2019) Số:

2009-LAV-201900487.01/PLHĐ ngày 09/3/2020, bà Y ghi "Tôi đã đọc và đồng ý". Tại các giấy nhận nợ đều do bà Lê Thị Mộng Y – là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H ký xác nhận. Tại các biên bản làm việc giữa Ngân hàng và bà Y (đại diện theo pháp luật của Công ty), bà Y đều xác nhận nợ và cam kết thời gian thanh toán nợ cho Ngân hàng. Việc bà Y ký các văn bản liên quan đến hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019 với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H là hoàn toàn hợp pháp, đúng thẩm quyền. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 87 của Bộ luật Dân sự, Công ty TNHH H phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do bà Lê Thị Mộng Y xác lập, thực hiện nhân danh Công ty TNHH H.Tại Giấy chứng nhận kinh doanh của Công ty TNHH H qua các thời kỳ và toàn bộ hồ sơ tín dụng liên quan đến Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019 không thể hiện người tên Đào Thị Như L. Tại các giấy "Ủy nhiệm chi", "Giấy nhận nợ" thì Công ty TNHH H đều xác định đơn vị thụ hưởng là Công ty TNHH GOSHISOFT, nội dung là thanh toán tiền hàng, phù hợp với hồ sơkèm theo là các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH GOSHISOFT và Công ty TNHH H, Hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty TNHH GOSHISOFT (đơn vị bán hàng) xuất cho Công ty TNHH H (đơn vị mua hàng), các Phiếu nhập kho (thép vằn các loại). Việc Công ty TNHH H mua hàng, thanh toán tiền hàng qua các khoản vay tại Ngân hàng đều phù hợp với Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019. Tại Giấy chứng nhận kinh doanh của Công ty TNHH GOSHISOFT qua các thời kỳ thay đổi đăng ký cũng không thể hiện người tên Đào Thị Như L.Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 25/9/2020 giữa Ngân hàng và bà Lê Thị N, bà N đã cam kết: "…*4. Đối với Công ty THNHH H tài sản bảo đảm là đất ở tại đường Võ Nguyên Giáp, Q. Ngũ Hành Sơn, tp. Đà Nẵng. Dư nợ hiện tại là 24.000.000.000đồng . Tôi xin cam kết hạn cuối là ngày 25/12/2020 sẽ xử lý tài sản để thanhtoán dứt điểm gốc và lãi phát sinh. Đối với các khoản lãi đến hạn của các công ty trên tôi cam kết sẽ thanh toán đúng hạn theo phân kỳ lãi*…". Bà N có nộp tài liệu, chứng cứ là Biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/7/2011 giữa Công ty TNHH Hvà bà Lê Thị N, tuy nhiên tại biên bản này cũng không có bà Đào Thị Như L xác nhận. Công ty TNHH H, bà Lê Thị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh được đối với yêu cầu đưa bà Đào Thị Như L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụán.

Như vậy, yêu cầu của bị đơn là Công ty TNHH H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N không có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản trả lời Công ty TNHH H, bà Lê Thị N với nội dung không chấp nhận yêu cầu của Công ty, bà N về việc đưa bà Đào Thị Như L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Công ty TNHH H; bà Lê Thị N có quyền khởi kiện bà Đào Thị Như L bằng vụ án khác. Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này là có cơ sở.

4. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là Công ty TNHH H phải chịu án phí kinh doanh và thương mại sơ thẩm là 135.477.677đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng Công ty TNHH H phải chịu. Chi phí này Ngân hàng N đã tạm ứng và chi phí xong ngày 28/6/2021nên Công ty TNHH H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b,g khoản 1 Điều 40; vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117, Điều 298, Điều 299, Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH H.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 27.477.677.603đồng *(Hai mươi bảy tỷ bốn trăm bảy bảy triệu sáu trăm bảy bảy ngàn sáu trăm lẻ ba đồng)* (Trong đó: Nợ gốc : 23.950.000.000 đồng*(Hai mươi ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng)*; Nợ lãi tính đến ngày 10/111/2021: lãi trong hạn: 2.687.583.699 đồng*(Hai tỷ sáu trăm tám bảy triệu năm trăm tám ba ngàn sáu trăm chín chín đồng)*; lãi quá hạn: 840.093.904đồng*(Tám trăm bốn mươi triệu không trăm chín ba ngàn chín trăm lẻ bốn đồng)*).

Công ty TNHH H phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2009-LAV-201900487 ngày 16/10/2019, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (Theo Hợp đồng tín dụng số: 2009-LAV-201900487 ngày: 16/10/2019) Số: 2009-LAV-201900487.01/PLHĐ ngày 09/3/20 và các khế ước nhận nợ kèm theo từ ngày 11/11/2021 đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

* Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty TNHH H không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: B4.5; Số thửa đất thay đổi lại là: 283, Số mới tờ bản đồ là 25 do cập nhật bản đồ địa chính; theo hồ sơ số 504009.TT.001; diện tích 162,9 m^2; địa chỉ: TĐC dọc tuyến Sơn Trà-Điện Ngọc (Đoạn qua khu TĐC Nam Phan Tứ và DBC), phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 663824, số cấp giấy chứng nhận CTs23753 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành

phố Đà Nẵng cấp ngày 30/08/2013 cho bà Lê Thị N (bà N được nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 504009.CN.002 ngày 14/9/2018). Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm, số công chứng: 12438, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2019 và đã Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Ngũ Hành Sơn ngày 16/10/2019 được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

2.1. Về án phí:

- Án phí kinh doanh và thương mại sơ thẩm là 135.477.677đồng*(Một trăm ba lăm triệu bốn trăm bảy bảy ngàn sáu trăm bảy bảy đồng)* Công ty TNHH H phải chịu.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh và thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 66.659.169 đồng*(Sáu mươi sáu triệu sáu trăm năm chín ngàn một trăm sáu chín đồng)* theo biên lai thu số 5343 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng Công ty TNHH H phải chịu. Chi phí này Ngân hàng N đã tạm ứng và chi phí xong ngày 09/6/2021 nên Công ty TNHH H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáobản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THA DS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thanh Anh